

BÁO CÁO

Về việc thực hiện công khai năm học 2017 - 2018

Thực hiện Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) về việc ban hành Quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; căn cứ vào công văn số 1876/ĐHTN ngày 29/9/2017 của Giám đốc ĐHTN về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai năm học 2017 - 2018 Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) ban hành, Trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp báo cáo thực hiện công khai năm học 2017 – 2018 như sau:

PHẦN 1

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ

1.1. Mô tả thực trạng

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là một trường Đại học công lập, đa ngành; đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ kỹ thuật, các hệ đại học chính quy, các hệ đào tạo liên thông lên đại học cấp bằng chính quy. Năm 2009, trường là một trong 20 trường Đại học đầu tiên của cả nước được hội đồng quốc gia Kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài và được BGD&ĐT công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng. Năm 2017, trường đã hoàn thành đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học lần 2 kết quả 51/61 tiêu chí đạt các tiêu chuẩn của BGD&ĐT ban hành.

Với bề dày kinh nghiệm trên 50 năm trong lĩnh vực đào tạo, hiện nay Nhà trường đang đào tạo 18 ngành đại học trong đó có 15 ngành đào tạo đại trà (gồm 26 chương trình đào tạo); 02 ngành đào tạo theo chương trình tiên tiến (ngành Kỹ thuật Cơ khí và ngành Kỹ thuật Điện) và 01 chuyên ngành kỹ thuật điện tử giảng dạy bằng tiếng anh liên kết với trường Đại học Quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc; 09 chuyên ngành đào tạo sau đại học (trong đó có 07 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 02 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ). Trường có 09 khoa và 01 bộ môn trực thuộc trường trong đó có 08 khoa đào tạo chuyên môn: Cơ khí, Điện, Điện tử, Xây dựng và Môi trường, Kỹ thuật Ô tô và Máy động lực, Kinh tế Công nghiệp, Sư phạm Kỹ thuật và Quốc tế; 01 trung tâm thực nghiệm và 01 viện nghiên cứu công nghệ cao để sinh viên đến học tập và nghiên cứu KH; Với đội ngũ gần 400 giảng viên trong đó, 85% Phó giáo sư, tiến sĩ và thạc sĩ. Cán bộ giảng viên của trường có trình độ cao, kinh nghiệm

giảng dạy lâu năm, có nhiều công trình nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hiệu quả, có các công bố khoa học trên tạp chí quốc tế danh tiếng.

Tính đến tháng 10 năm 2017, trường có khoảng gần 7.000 sinh viên đang theo học tại trường trong các chuyên ngành kỹ thuật mũi nhọn như: Cơ khí Chế tạo máy, Cơ khí luyện kim cán thép, Hệ thống điện, Thiết bị điện, Điện tử viễn thông, Kỹ thuật điều khiển, Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, Quản trị doanh nghiệp công nghiệp,...Nhiều cựu sinh viên của trường được xã hội và doanh nghiệp đánh giá cao, một số đã và đang được đào tạo tại các nước phát triển hoặc đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các tập đoàn, doanh nghiệp hàng đầu Việt nam.

Từ năm 2011, nhà trường đã thay đổi phương thức đào tạo, thay đổi hình thức thực hành, thực tập và thi cử nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội, điều hành quản lý đào tạo, đồng thời đổi mới công tác dạy và học. Nhà trường đã điều chỉnh trên 26 chương trình đào tạo, chương trình đào tạo hệ kỹ sư chỉ còn 4,5 năm, các bài tập thực hành, thực tập đều được thay đổi về mặt nội dung nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Về cơ sở vật chất, hiện nay trường có 72 giảng đường, trong đó có 1 giảng đường 300 chỗ ngồi, 6 giảng đường 200 chỗ ngồi, 3 giảng đường 150 chỗ ngồi, 62 giảng đường từ 50 - 100 chỗ ngồi. Tất cả các giảng đường của trường đều được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy hiện đại như máy tính, tăng âm, projector, overhead, hệ thống kết nối internet không dây, máy chiếu data show. Nhà trường có các trung tâm để hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình học tập tại trường: 01 trung tâm tư vấn sinh viên (thuộc phòng CT HS-SV); 01 trung tâm sáng tạo sản phẩm và 01 trung tâm tư vấn Tiếng anh sinh viên (thuộc khoa Quốc tế). Trung tâm Thông tin - Thư viện có nguồn sách trong nước và nước ngoài phong phú; 06 nhà ký túc xá 5 tầng, 03 nhà ký túc xá 4 tầng (624 phòng), 01 nhà ăn, căng tin, sân thể thao, khu liên hợp dịch vụ nhằm ngày càng đáp ứng nhu cầu của sinh viên và giảng viên, CBVC nhà trường. Với 3 nhà làm việc của giảng viên có không gian rộng rãi, để làm việc và tiếp xúc với sinh viên ngoài giờ lên lớp, giúp giảng viên có thời gian tư vấn, hướng dẫn bài tập, đồ án trực tiếp cho sinh viên.

1.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

1.2.1. Những điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao, có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, nhiều cán bộ giảng viên được đào tạo bài bản ở nước ngoài.

Phương pháp đào tạo đa dạng, hiện đại. Nhà trường liên tục cập nhật và phát triển nội dung, phương pháp đào tạo tiên tiến nhằm đáp ứng những yêu cầu thực tiễn của xã hội, doanh nghiệp.

Giảng viên biên soạn bài giảng từ sách, giáo trình tiếng anh. Mỗi học kỳ chính Nhà trường tổ chức 2 lần kiểm tra quá trình, 1 lần kiểm tra đối với học kỳ phụ. Kế hoạch kiểm tra đánh giá quá trình được lập ngay đầu mỗi học kỳ. Các tài liệu học tập, bài tập về nhà đều được giao, chấm và công bố điểm trên hệ thống E-LEARNING của Nhà trường.

Môi trường học tập sạch, đẹp, tiện nghi.

Hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường ngày càng được quan tâm mở rộng và đạt được thành tích tốt.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hành, thực tập được củng cố và phát triển.

1.2.2. Những điểm tồn tại

Chất lượng điểm đầu vào của các ngành mũi nhọn và chỉ tiêu tuyển sinh mặc dù đã cao hơn so với những năm trước song vẫn thấp hơn so với mặt bằng chung nên cũng có khó khăn cho việc đảm bảo chất lượng thực tế.

Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho công tác thực hành, thí nghiệm mặc dù đã được cải tiến song vẫn còn nhiều bất cập dẫn đến kỹ năng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp của sinh viên chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội;

Tổ chức quản lý sinh viên trong công tác đào tạo còn một số bất cập, sinh viên chưa chủ động trong việc học tập và nghiên cứu dẫn đến kết quả học tập chưa cao.

Công tác khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra chưa bài bản dẫn đến hiệu quả chưa cao.

1.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tập trung phát triển nguồn lực giảng viên; đảm bảo giảng viên xứng đáng là người thầy về mọi mặt, là người tư vấn tốt cho sinh viên.

Nâng cao chất lượng sinh viên từ đầu vào bằng việc nâng cao chất lượng tuyển sinh.

Tăng cường và khai thác tối đa sự hỗ trợ của các đối tác trong và ngoài nước, của cựu cán bộ, sinh viên của trường.

Đổi mới công tác nghiên cứu khoa và chuyển giao công nghệ, thí nghiệm thực hành.

Nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập như: giảng đường, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, thư viện, ký túc xá.

Công tác thi và kiểm tra tiếp tục được chấn chỉnh và thực hiện nghiêm túc, khách quan.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy.

Rà soát bổ sung quy định về việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra từ đó có căn cứ để cập nhật điều chỉnh các chương trình đào tạo.

Tìm hiểu kỹ yêu cầu thực tế và các cơ hội việc làm của sinh viên khi ra trường để xây dựng chương trình đào tạo sát với thực tế.

PHẦN 2

CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

2.1. Mô tả thực trạng

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp tọa lạc trên một khuôn viên rộng lớn, là một quần thể thống nhất bao gồm giảng đường, thư viện, ký túc xá, nhà ăn, căng tin, sân thể thao,... với tổng diện tích là 50 ha trong đó diện tích sàn xây dựng là 68.857m².

Hệ thống giảng đường gồm 1 giảng đường 300 chỗ ngồi, 6 giảng đường 200 chỗ ngồi, 3 giảng đường 150 chỗ ngồi, 62 giảng đường từ 50 đến 100 chỗ ngồi. Tất cả các giảng đường của trường đều được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy hiện đại như máy tính, tăng âm, projector, hệ thống kết nối internet không dây, máy chiếu data show....

Thư viện của Nhà trường có diện tích 3470 m² với 05 phòng đọc, 03 phòng mượn, 01 phòng nghiệp vụ, hơn hệ thống máy vi tính kết nối Internet phục vụ công tác quản lý điều hành, giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Ngoài các đầu sách có ở thư viện cán bộ, giảng viên và sinh viên của trường có thể tra cứu tài liệu học tập và nghiên cứu tại nguồn học liệu online <http://lhtv.vista.vn/>. Ngoài ra, cán bộ và sinh viên của Nhà trường được sử dụng và tham khảo nguồn tài liệu tại Trung tâm học liệu - Đại học Thái Nguyên. Đây là 1 trong 3 trung tâm học liệu hiện đại nhất Việt Nam do tổ chức Đông tây hội ngộ, Hoa Kỳ tài trợ.

Trường có 01 trung tâm phục vụ công tác thực hành với 02 xưởng thực hành, 01 viện nghiên cứu CNC về KTCN gồm 03 phòng thí nghiệm nghiên cứu và 18 phòng thí nghiệm do các Khoa quản lý phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu của sinh viên, học viên sau đại học và giảng viên. Hệ thống trang thiết bị được bổ sung hoàn thiện theo các mô hình của các trường đại học tiên tiến trên thế giới.

Hiện nay khu ký túc xá của nhà trường có 9 nhà KTX thỏa mãn yêu cầu chỗ ở và sinh hoạt cho hơn 3000 sinh viên. Ký túc xá được bố trí ngay cạnh khu nhà làm việc của các giảng viên nhằm tạo điều kiện thuận tiện nhất cho việc học tập của sinh viên. Ký túc xá đảm bảo đầy đủ tiện nghi, sân chơi, có phòng sinh hoạt tập thể. Đây là những điểm nhấn khác biệt so với hầu hết các khu ký túc xá sinh viên khác. Ngoài ra Nhà trường còn có khu nhà lọc nước tinh khiết cấp nước uống miễn phí cho sinh viên, giảng viên và cán bộ viên chức trong trường.

Khu dịch vụ tổng hợp có diện tích 2.500 m², có thể phục vụ được hàng ngàn sinh viên một lúc, hệ thống dịch vụ phục vụ có khả năng phục vụ nhu cầu sinh hoạt của đa số sinh viên của trường.

Khu thể thao gồm Sân vận động, nhà thi đấu, sân tennis được thiết kế độc lập, ngay cạnh trường, có thể phục vụ tốt các hoạt động ngoại khóa của sinh viên.

2.2. Những điểm mạnh, điểm tồn tại

2.2.1. Những điểm mạnh

Môi trường công tác, giảng dạy, học tập cho từng giảng viên, sinh viên của trường thật sự hiện đại, tiện lợi, phù hợp. Các trang thiết bị thực hành, thí nghiệm được quan tâm đầu tư giúp cho việc cập nhật và gắn kết từng vấn đề lý thuyết với thực tiễn.

Điều kiện sinh hoạt, học tập của sinh viên được quan tâm tối đa.

Đội ngũ cán bộ giảng viên và quản lý có kinh nghiệm, trình độ cao và luôn được tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ đáng ứng nhu cầu đào tạo theo yêu cầu của xã hội.

2.2.2. Những điểm tồn tại

Các thiết bị còn chưa đồng bộ, vẫn còn trang thiết bị chưa khai thác sử dụng hết công suất trong khi việc mở rộng quy mô và chất lượng đào tạo phải gắn với đầu tư cơ sở vật chất.

Số giảng viên là Tiến sỹ, Phó giáo sư chưa cao chỉ vào khoảng 16,7%.

2.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường đã và đang triển khai chương trình hành động nhằm đảm bảo tốt cơ sở vật chất cho sinh viên sinh hoạt và học tập trong ký túc xá của nhà trường; phát triển khuôn viên ký túc xá và khu làm việc của giảng viên, khu liên hợp dịch vụ theo hướng: mới, đẹp, hiện đại và tiện lợi đảm bảo đáp ứng yêu cầu học tập và giảng dạy.

Tiếp tục đầu tư thay thế các thiết bị cũ.

Đầu tư xây dựng, mở rộng hệ thống thư viện để tạo điều kiện cho sinh viên học tập tốt hơn.

Tiếp tục hoàn thiện đội ngũ cán bộ, giảng viên đảm bảo về số lượng và chất lượng: tuyển dụng giảng viên có bằng khá, giỏi (ưu tiên người có bằng thạc sỹ, tiến sỹ). Các giảng viên trong độ tuổi quy định phải đạt chuẩn tiếng anh theo quy định của Nhà trường. Tạo điều kiện, khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiên cứu khoa học và ngoại ngữ bằng các chính sách tài chính.

PHẦN 3 TÀI CHÍNH

3.1. Mô tả thực trạng

Công tác tài chính được xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng tháng, thực hiện tốt và có hiệu quả các hoạt động thu, chi.

Các khoản thu, chi được thực hiện đúng các văn bản quy định của Nhà nước, đảm bảo đúng mục đích, hợp lý, tiết kiệm, theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ.

Đảm bảo tài chính đáp ứng các hoạt động, thực hiện tốt sứ mệnh của Nhà trường.

3.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

3.2.1. Những điểm mạnh

Công tác Kế hoạch, Tài chính đã xây dựng kế hoạch và dự toán chi tiết hoạt động của Nhà trường từng năm. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng chặt chẽ, cụ thể, đã góp phần cho công tác quản lý tài chính thực hiện thuận lợi, hiệu quả và đúng pháp luật.

Đảm bảo các chế độ khuyến khích học tập và nghiên cứu khoa học đối với sinh viên.

Thực hiện công khai minh bạch các khoản thu, chi và quyết toán thuế TNCN với tất cả CBVC của Nhà trường.

Thu học phí theo đúng mức quy định của Nhà nước, thông báo công khai mức thu học phí tới từng sinh viên trước khi triển khai thu học phí.

Tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên và phụ huynh sinh viên trong việc thu, nộp học phí bằng cách thực hiện tốt công tác ủy quyền cho Ngân hàng thu học phí qua thẻ ATM của sinh viên.

3.2.2. Những điểm tồn tại

Chưa đơn giản hóa các thủ tục trong công tác tài chính.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch dự toán chi tiết và cụ thể hóa theo từng tháng, từng năm để triển khai thực hiện tiết kiệm hiệu quả hơn nữa.

Ưu tiên tài chính cho các điều kiện sinh hoạt học tập của sinh viên, các hoạt động chuyên môn để nâng cao chất lượng đào tạo.

Đảm bảo tài chính cho các hoạt động tạo môi trường học tập, nghiên cứu khoa học, thể dục thể thao, sinh hoạt tập thể...

Thực hiện tốt công khai minh bạch tài chính theo đúng các quy định của Nhà nước và của Đại học Thái Nguyên.

PHẦN 4

BÁO CÁO TỪNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC

4.1. Chương trình đào tạo Chuyên ngành Thiết kế và chế tạo cơ khí

4.1.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo Chuyên ngành Thiết kế và chế tạo cơ khí được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 154 tín chỉ.

Chương trình đào tạo kỹ sư chuyên ngành Thiết kế và chế tạo cơ khí có tính toàn diện, hiện đại, gắn kết với thực hành, thí nghiệm chuyên sâu về thiết kế cơ khí và có tính chất liên ngành cho sinh viên, nhằm chuẩn bị cho sự nghiệp thành công trong môi trường làm việc chuyên nghiệp và năng động.

Nhà trường liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Thiết kế và chế tạo cơ khí những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.1.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao và bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Thiết kế cơ khí.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết kế và chế tạo cơ khí chưa cập nhật kịp những tiến bộ khoa học kỹ thuật của xã hội do vậy chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, ...

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.1.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiến tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy

4.2.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 153 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các môn khoa học cơ bản như toán học, hóa học, vật lý, triết học, v.v; kiến thức cơ sở cốt lõi của ngành kỹ thuật cơ khí và những kiến thức chuyên ngành về thiết kế, chế tạo máy; áp dụng để trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật: tổng hợp, phân tích, tính toán, thiết kế và chế tạo.

Nhà trường liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Nhà trường luôn chú trọng chất lượng và nội dung, đề cương chi tiết của chương trình đào tạo. Hàng năm đều có sự điều chỉnh bổ sung vào đề cương chi tiết của các học phần như đội ngũ giảng viên giảng dạy lý thuyết, đội ngũ giảng viên thực hành và nội dung chi tiết của học phần nếu có điều chỉnh.

Bên cạnh đó, nhà trường đã xây dựng kế hoạch định kì sau 01 khóa học có sự đánh giá, điều chỉnh và bổ sung để chương trình đào tạo đáp ứng được chuẩn kiến thức và cải tiến chất lượng để sát với nhu cầu thực tiễn.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.2.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao và bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Cơ khí chế tạo.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội. Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy chưa cập nhật kịp những tiến bộ khoa học kỹ thuật của xã hội do vậy chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, ...

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.2.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiến tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.3 Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật gia công tạo hình

4.3.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật gia công tạo hình được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 154 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật gia công tạo hình cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về công nghệ cán thép. Ứng dụng để xác định, trình bày và giải quyết các vấn đề liên quan đến công nghệ cán thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật: tính toán, thiết kế, mô phỏng, phân tích và thử nghiệm.

Chương trình cung cấp những kiến thức vững chắc để người học có đủ điều kiện tiếp tục theo học chương trình sau Đại học.

Chương trình có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho người học.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Kỹ thuật gia công tạo hình những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.3.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo

nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật gia công tạo hình chưa cập nhật kịp những tiến bộ khoa học kỹ thuật của xã hội do vậy chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, ...

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.3.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiến tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.4 Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ – điện tử

4.4.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ – điện tử được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 153 tín chỉ.

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ – điện tử cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về kỹ thuật cơ điện tử, áp dụng để trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật: tổng hợp, phân tích, tính toán, thiết kế và chế tạo.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, ngành Kỹ thuật Cơ – điện tử những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.4.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao và bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Cơ điện tử.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội. Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ – điện tử chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.4.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiến tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.5 Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí động lực

4.5.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí động lực được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 154 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí động lực cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về kỹ thuật ô tô và máy động lực; áp dụng để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong thiết kế, chế tạo, khai thác, sử dụng, bảo trì.

Chương trình cung cấp những kiến thức vững chắc để người học có đủ điều kiện tiếp tục theo học chương trình sau Đại học.

Chương trình có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho người học.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Cơ khí động lực những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.5.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí động lực chưa cập nhật kịp những tiến bộ khoa học kỹ thuật của xã hội do vậy chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, ...

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.5.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.6 Chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN

4.6.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 152 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành thiết kế chế tạo, hiệu chỉnh, sửa chữa và vận hành các hệ thống điện tự động, áp dụng để trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng các phương pháp: phân tích, tính toán, thiết kế và thử nghiệm cùng với các công cụ kỹ thuật hỗ trợ.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Tự động hóa XNCN những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.6.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao và bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Tự động hóa.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa XNCN chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.6.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.7 Chương trình đào tạo chuyên ngành Hệ thống điện

4.7.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Hệ thống điện được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 152 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Hệ thống điện cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành hệ thống điện, áp dụng để trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật: phân tích, tính toán, thiết kế - vận hành - quản lý hệ thống điện.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Hệ thống điện những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.7.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao và bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Hệ thống điện.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chuyên ngành Hệ thống điện chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, ...

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.7.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.8 Chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị điện

4.8.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị điện được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 152 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị điện cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành thiết bị điện: Sinh viên có thể đọc, hiểu, phân tích được nguyên lý hoạt động, chẩn đoán – sửa chữa các hư hỏng thông thường của các mạch điện, các thiết bị điện; có khả năng tính toán, thiết kế mạch điện, thiết bị điện - điện tử.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Thiết bị điện những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.8.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị điện chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.8.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.9 Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điện

4.9.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điện được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 152 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điện cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về kỹ thuật điện; áp dụng để trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật: phân tích, tổng hợp vấn đề; tính toán, thiết kế hệ thống cung cấp điện cho xí nghiệp công nghiệp; hệ thống chiếu sáng; hệ thống chống sét; hệ thống an ninh, an toàn điện; hệ thống điều khiển tự động vừa và nhỏ.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Kỹ thuật điện những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.9.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao và bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Kỹ thuật điện.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội. Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điện chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.9.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.10 Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điện tử

4.10.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điện tử được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 155 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điện tử cung cấp các kiến thức trong lĩnh vực khoa học tự nhiên để tiếp thu tốt các kiến thức cơ sở và chuyên ngành kỹ thuật điện tử cũng như có khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Kỹ thuật điện tử những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.10.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao và bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện tử.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.10.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.11 Chương trình đào tạo chuyên ngành kỹ thuật điều khiển

4.11.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 155 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển cung cấp các kiến thức kỹ thuật chuyên ngành về hệ thống đo lường và điều khiển tự động, áp dụng để trình bày và giải quyết vấn đề kỹ thuật một cách sáng tạo trong lĩnh vực chuyên ngành.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.11.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao và bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực điều khiển.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội. Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.11.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ

sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiến tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.12 Chương trình đào tạo chuyên ngành Điện tử viễn thông

4.12.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Điện tử viễn thông được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 155 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Điện tử viễn thông nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, nguyên lý, kỹ năng cơ bản và chuyên ngành trong lĩnh vực điện tử và truyền thông, làm cơ sở cho quá trình tự học và phát triển toàn diện; có khả năng áp dụng, tổ chức triển khai công nghệ, kỹ thuật điện tử viễn thông vào mọi lĩnh vực khoa học cũng như đời sống xã hội.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Điện tử viễn thông những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.12.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao và bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Điện tử viễn thông.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.12.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.13 Chương trình đào tạo chuyên ngành Tin học công nghiệp

4.13.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tin học công nghiệp được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 150 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tin học công nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về Kỹ thuật Máy tính, áp dụng để trình bày và giải quyết các vấn đề phần cứng cũng như phần mềm máy tính một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật: phân tích, tính toán, thiết kế và thử nghiệm

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Tin học công nghiệp những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.13.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao và bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực tin học.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.13.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.14 Chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

4.14.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 153 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành thiết kế và thi công công trình xây dựng, áp dụng để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong ngành xây dựng một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật: phân tích, mô hình hóa, tính toán, thiết kế và đánh giá

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

4.14.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao và bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyên giao công nghệ và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.14.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.15 Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường

4.15.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 150 tín chỉ.

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường nhằm cung cấp kiến thức nền tảng kỹ thuật quan trọng và chuyên sâu chuyên ngành kỹ thuật môi trường, có khả năng xác định và giải quyết các vấn đề kỹ thuật một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật: phân tích, đánh giá, tính toán, thiết kế và thử nghiệm.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm

bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, ngành Kỹ thuật môi trường những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.15.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy tại khoa chuyên môn giàu kinh nghiệm, trình độ sau đại học, kiến thức vững vàng, chuyên môn nghiệp vụ cao. Nhà trường và khoa chuyên môn thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, lồng ghép với chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên có các kiến thức thực tế.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Là một ngành mới nên các thiết bị phục vụ giảng dạy còn hạn chế.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.15.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.16 Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật cơ khí

4.16.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật cơ khí được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 150 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật cơ khí nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, nguyên lý cơ bản và chuyên ngành trong lĩnh vực cơ khí, các kiến thức về sư phạm, kỹ năng sư phạm nghề, và kỹ năng thực hành cao nhằm đảm đương nhiệm vụ của người giáo viên ngành cơ khí cũng như có khả năng tham gia vào sản xuất với vai trò của người kỹ sư cơ khí.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật cơ khí những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.16.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy tại khoa chuyên môn giàu kinh nghiệm, trình độ Sau đại học, kiến thức vững vàng, chuyên môn nghiệp vụ cao. Nhà trường và khoa chuyên môn thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, lồng ghép với chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên có các kiến thức thực tế.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.16.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Đầu tư các trang thiết bị kỹ thuật để sinh viên làm quen và nâng cao năng lực sử dụng chúng trong các thao tác nghiệp vụ của ngành.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.17 Chương trình đào tạo chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật Điện

4.17.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật Điện được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 150 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật Điện nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, nguyên lý cơ bản và chuyên ngành trong lĩnh vực Kỹ thuật điện, các kiến thức về sư phạm, có kỹ năng sư phạm nghề, và kỹ năng thực hành cao nhằm đảm đương nhiệm vụ của người giáo viên ngành Công nghệ cũng như có khả năng tham gia vào sản xuất với vai trò của người kỹ sư điện.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật Điện những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.17.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy tại khoa chuyên môn giàu kinh nghiệm, trình độ Sau đại học, kiến thức vững vàng, chuyên môn nghiệp vụ cao. Nhà trường và khoa chuyên môn thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, lồng ghép với chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên có các kiến thức thực tế.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.17.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiến tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Đầu tư các trang thiết bị kỹ thuật để sinh viên làm quen và nâng cao năng lực sử dụng chúng trong các thao tác nghiệp vụ của ngành.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.18 Chương trình đào tạo chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật tin học

4.18.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật tin học được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 152 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật tin học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về chuyên ngành Công nghệ thông tin, các kiến thức về sư phạm, kỹ năng sư phạm, và kỹ năng thực hành cao nhằm đảm đương nhiệm vụ của người giáo viên ngành Công nghệ thông tin cũng như có khả năng tham gia vào quá trình sản xuất của các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp trong lĩnh vực phần mềm và phần cứng máy tính.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật tin học những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.18.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy tại khoa chuyên môn giàu kinh nghiệm, có trình độ sau đại học, kiến thức vững vàng, chuyên môn nghiệp vụ cao.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.18.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.19 Chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán DNCN

4.19.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán DNCN được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 124 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán DNCN nhằm đào tạo cho xã hội những cử nhân kế toán trình độ đại học có phẩm chất chính trị tốt, tư cách đạo đức tốt,

có đủ sức khỏe tham gia công tác, có trình độ năng lực chuyên môn sâu về kế toán, có tư duy sâu về lĩnh vực kinh tế, tài chính, có khả năng phân tích, tổng hợp vấn đề, đánh giá và đưa ra ý kiến tư vấn hữu ích giúp các nhà quản trị trong việc điều hành hoạt động của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế. Sau quá trình học tập, rèn luyện tại nhà trường, sinh viên tốt nghiệp sẽ phát huy tốt năng lực làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm, có thể hòa nhập nhanh chóng với thực tế công tác trong lĩnh vực kinh doanh công nghiệp.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Kế toán DNCN những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.19.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với bài tập, thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy tại khoa chuyên môn giàu kinh nghiệm, trình độ Sau đại học, kiến thức vững vàng, chuyên môn nghiệp vụ cao. Nhà trường và khoa chuyên môn tổ chức các hoạt động ngoại khóa, lồng ghép với chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên có các kiến thức thực tế.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.19.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.20 Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

4.20.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 124 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp được trang bị các kiến thức về quản trị doanh nghiệp chung và quản trị các lĩnh vực khác nhau như: Nhân sự, marketing, tài chính,... trong các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp công nghiệp nói riêng để có thể thích ứng với nhiều vị trí công việc quản trị khác nhau trong tổ chức. Trên cơ sở hệ thống lý luận và thực tiễn được trang bị, sinh viên có khả năng làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có tác phong làm việc chuyên nghiệp, có kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong công tác chuyên môn.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.20.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với bài tập, thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy tại khoa chuyên môn giàu kinh nghiệm, kiến thức vững vàng, chuyên môn nghiệp vụ cao.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.20.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.21. Chương trình đào tạo ngành Quản lý công nghiệp

4.21.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý công nghiệp được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 124 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp được trang bị các kiến thức về quản lý sản xuất và quản lý dự án đặc biệt phù hợp với môi trường làm việc trong các tổ chức và doanh nghiệp công nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên được bổ sung các kiến thức về quản lý các lĩnh vực khác nhau như: Nhân sự, marketing, tài chính,... để có thể thích ứng với nhiều vị trí công việc khác nhau. Trên cơ sở hệ thống lý luận và thực tiễn được trang bị, có khả năng làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có tác phong làm việc chuyên nghiệp, có kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong công tác chuyên môn.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, ngành Quản lý công nghiệp những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.21.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với bài tập, thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc

sau khi ra trường. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy tại khoa chuyên môn giàu kinh nghiệm, kiến thức vững vàng, chuyên môn nghiệp vụ cao.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.21.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.22 Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật vật liệu

4.22.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật vật liệu được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 153 tín chỉ.

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật vật liệu nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành về các loại vật liệu kim loại, vô cơ - ceramic và polymer, để sau khi tốt nghiệp, họ có đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao có hiệu quả, chất lượng.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành, bài tập, thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, mặt khác đây cũng là một ngành mới nên việc tuyển sinh gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.22.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành, bài tập, thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.22.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.23 Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

4.23.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 121 tín chỉ.

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử nhằm trang bị các kiến thức về các lĩnh vực khác nhau trong kỹ thuật điện, trang bị điện, thiết kế cung cấp điện và lập trình điều khiển các quá trình công nghệ theo các yêu cầu kỹ thuật đặt ra, lập kế hoạch sản xuất, phân tích giá thành và quản lý chất lượng sản phẩm trong dây chuyền sản xuất và công nghệ. Chương trình đào tạo cung cấp các kiến thức kinh nghiệm về sản xuất công nghiệp nhằm áp dụng lý thuyết để nâng cao chất lượng các quá trình vận hành liên quan đến máy điện và thiết bị điện, dây chuyền công nghệ trong thực tế.

Chương trình mới được Đại học Thái Nguyên giao nhiệm vụ đào tạo từ năm 2014. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành, bài tập, thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, mặt khác đây cũng là một ngành mới nên việc tuyển sinh gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.23.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành, bài tập, thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.23.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.24 Chương trình đào tạo ngành Công nghệ chế tạo máy

4.24.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ chế tạo máy được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 123 tín chỉ.

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ chế tạo máy cung cấp các kiến thức về các quá trình gia công, vật liệu, các chi tiết máy tiêu chuẩn, các tiêu chuẩn kỹ thuật, lập kế hoạch sản xuất, phân tích giá thành và quản lý chất lượng sản phẩm trong gia công cơ khí.

Khác với chương trình đào tạo Kỹ sư kỹ thuật cơ khí có mục tiêu đào tạo các cán bộ kỹ thuật vững về lý thuyết nhằm thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu về thiết kế, nghiên cứu và phát triển sản phẩm cơ khí; chương trình Công nghệ chế tạo máy đào tạo các kỹ sư công nghệ có khả năng tốt về ứng dụng và triển khai trong thực tiễn sản xuất cơ khí.

Chương trình mới được Đại học Thái Nguyên giao nhiệm vụ đào tạo từ năm 2014. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành, bài tập, thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, mặt khác đây cũng là một ngành mới nên việc tuyển sinh gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.24.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành, bài tập, thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.24.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.25 Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

4.25.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 125 tín chỉ.

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô cung cấp những kiến thức khoa học cơ bản, kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành trong lĩnh vực Công nghệ Kỹ thuật ô tô. Chương trình này là cơ sở cho quá trình tự học và phát triển toàn diện của người học, tạo cho họ khả năng áp dụng, tổ chức triển khai các kiến thức chuyên môn vào lắp

ráp, sản xuất công nghiệp phụ trợ ô tô, đăng kiểm, nghiên cứu và ứng dụng trong ngành công nghiệp ô tô, quản lý và sử dụng hiệu quả các phương tiện giao thông và các ứng dụng khác.

Chương trình mới được Đại học Thái Nguyên giao nhiệm vụ đào tạo từ năm 2014. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành, bài tập, thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, mặt khác đây cũng là một ngành mới nên việc tuyển sinh gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.25.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành, bài tập, thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.25.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.26 Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh

4.26.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 124 tín chỉ.

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh nhằm đào tạo các cử nhân chuyên ngành Tiếng Anh có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và tư cách tốt, có sức khỏe tốt và có trình độ chuyên môn cao, có khả năng đáp ứng yêu cầu của xã hội. Sinh viên được cung cấp các kiến thức về lĩnh vực ngôn ngữ, xã hội và khoa học cơ bản. Chương trình đào tạo cung cấp, rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, khả năng giảng dạy Tiếng Anh, khả năng phiên dịch và biên dịch các tài liệu thông thường và kỹ thuật

Chương trình mới được Đại học Thái Nguyên giao nhiệm vụ đào tạo từ năm 2014. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành, bài tập, thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do yêu cầu của thị trường lao động, mặt khác đây cũng là một ngành mới nên việc tuyển sinh gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

4.26.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành, bài tập, thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

** Những điểm tồn tại:*

Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.26.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.27 Chương trình đào tạo tiên tiến ngành Kỹ thuật Cơ khí

4.27.1 Mô tả thực trạng

Tên trường đối tác: Khoa Cơ khí và hàng không vũ trụ (MAE), trường Đại học Kỹ thuật và Khoa học ứng dụng, Đại học Bang NewYork tại Buffalo (UB), Hoa Kỳ là trường Đại học kỹ thuật lớn và toàn diện nhất trong bang New York, ***đứng trong top 50 của 350 trường đào tạo kỹ thuật ở Hoa Kỳ*** và ngành Kỹ thuật Cơ khí của Trường đã được Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục khối ngành Kỹ thuật và công nghệ của Hoa Kỳ thông qua (the Accreditation Board for Engineering and Technology - ABET).

Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các môn khoa học cơ bản như toán học, hóa học, vật lý, triết học, v.v; kiến thức cơ sở cốt lõi của ngành kỹ thuật cơ khí và những kiến thức chuyên ngành về thiết kế, chế tạo máy; áp dụng để trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật: tổng hợp, phân tích, tính toán, thiết kế và chế tạo.

Nhà trường liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Nhà trường luôn chú trọng chất lượng và nội dung, đề cương chi tiết của chương trình đào tạo. Hàng năm đều có sự điều chỉnh bổ sung vào đề cương chi tiết của các học phần như đội ngũ giảng viên giảng dạy lý thuyết, đội ngũ giảng viên thực hành và nội dung chi tiết của học phần nếu có điều chỉnh.

4.27.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

**** Những điểm mạnh***

Nhà trường đã chủ động về đội ngũ giảng dạy CTTT cụ thể: thành lập Khoa Quốc tế với các bộ môn là: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Điện và Máy tính, Khoa học tự nhiên, Kinh tế giảng dạy bằng tiếng Anh, Bộ môn Ngoại ngữ, Trung tâm sáng tạo sản phẩm và Trung tâm tư vấn tiếng Anh sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường còn có khoảng 50 giảng viên đang học Sau đại học ở nước ngoài và thường xuyên về giảng dạy trong thời gian nghỉ. Nhà trường đã có trên 160 giảng viên có điểm Toefl- ITP từ 500 điểm, trên 50 giảng viên có thành thạo tiếng Anh do đã học ở các nước nói tiếng Anh. Đây là những giảng viên có thể đảm nhiệm giảng dạy CTTT sau khi đi thực tập chuyên môn về.

Uy tín của CTTT đã dần được khẳng định do đã có sinh viên tốt nghiệp, ngoài ra việc sinh viên CTTT đạt nhiều kết quả tốt trong học tập và thi cũng tạo sức hút cho tuyển sinh.

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội. Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại*

Việc tuyển sinh chương trình tiên tiến gặp nhiều khó khăn do đặc điểm vùng miền, đa số sinh viên từ các tỉnh miền núi, khó khăn về kinh tế, tiếng Anh kém hầu như chỉ ở trình độ cơ bản, sinh viên đăng ký vào học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp chủ yếu là con em các dân tộc nên đều có tâm lý sợ không theo học được chương trình đào tạo bằng tiếng Anh.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.27.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo;

Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên;

Mở các lớp ngắn hạn (người học tự nguyện) nhằm giúp sinh viên hoàn thành các học phần tự học và nâng cao trình độ;

Mở các phòng học tiếng, học online miễn phí cho sinh viên;

Tổ chức giúp đỡ các sinh viên có kết quả học tập còn yếu;

Tăng cường trao đổi sinh viên quốc tế để tạo môi trường tiếng Anh trong trường;

Đẩy mạnh hoạt động của các câu lạc bộ tiếng Anh.

4.28.1 Chương trình đào tạo tiên tiến ngành Kỹ thuật Điện

4.28.1 Mô tả thực trạng

Tên trường đối tác: Kỹ thuật Điện và Máy tính, Đại học Bang Oklahoma, Hoa Kỳ (*Department of Electrical (EE) of the Oklahoma State University*) xếp thứ 75 trong hơn 2000 trường đại học của Hoa Kỳ (Theo tạp chí US News 2011), chương trình Kỹ thuật Điện của trường đã hoàn thành kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Hội đồng kiểm định Kỹ thuật và Công nghệ Hoa Kỳ (ABET).

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điện cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về kỹ thuật điện; áp dụng để trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật: phân tích, tổng hợp vấn đề; tính toán, thiết kế hệ thống cung cấp điện cho xí nghiệp công nghiệp; hệ thống chiếu sáng; hệ thống chống sét; hệ thống an ninh, an toàn điện; hệ thống điều khiển tự động vừa và nhỏ.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

4.28.1 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh*

Nhà trường đã chủ động về đội ngũ giảng dạy CTTT cụ thể: thành lập Khoa Quốc tế với các bộ môn là: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Điện và Máy tính, Khoa học tự

nhiên, Kinh tế giảng dạy bằng tiếng Anh, Bộ môn Ngoại ngữ, Trung tâm sáng tạo sản phẩm và Trung tâm tư vấn tiếng Anh sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường còn có khoảng 50 giảng viên đang học Sau đại học ở nước ngoài và thường xuyên về giảng dạy trong thời gian nghỉ. Nhà trường đã có trên 160 giảng viên có điểm Toefl- ITP từ 500 điểm, trên 50 giảng viên có thành thạo tiếng Anh do đã học ở các nước nói tiếng Anh. Đây là những giảng viên có thể đảm nhiệm giảng dạy CTTT sau khi đi thực tập chuyên môn về.

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

** Những điểm tồn tại*

Việc tuyển sinh chương trình tiên tiến gặp nhiều khó khăn do đặc điểm vùng miền, đa số sinh viên từ các tỉnh miền núi, khó khăn về kinh tế, tiếng Anh kém hầu như chỉ ở trình độ cơ bản, sinh viên đăng ký vào học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp chủ yếu là con em các dân tộc nên đều có tâm lý sợ không theo học được chương trình đào tạo bằng tiếng Anh.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.28.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

4.29 Chương trình đào tạo liên kết 2+2 chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử

4.29.1 Mô tả thực trạng

Chương trình liên kết đào tạo đại học chính quy 2+2 giữa trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp và Đại học Quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc đã được phê duyệt và triển khai đào tạo vào năm 2013.

Một năm đầu học tiếng Anh và hai năm tiếp theo học các học phần chuyên môn thuộc khối kiến thức cơ sở bằng tiếng Anh tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp,

hai năm cuối học các học phần khối kiến thức chuyên ngành tại Đại học Công nghệ thông tin – Đại học Quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật điện tử trang bị các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Kỹ thuật bán dẫn, Điện – Điện tử, truyền thông, mạng, máy tính theo mô hình của Hàn Quốc.

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc trong các lĩnh vực điện tử, truyền thông và máy tính tại các công ty trong và ngoài nước như Công ty điện tử Sam Sung Việt Nam.

4.29.1 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Sinh viên có trình độ tiếng Anh tốt và có điều kiện tiếp xúc và học tập trong môi trường Quốc tế tại Hàn Quốc.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

Chương trình có tính cạnh tranh cao và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

** Những điểm tồn tại*

Việc tuyển sinh chương trình liên kết gặp nhiều khó khăn do đặc điểm vùng miền, đa số sinh viên từ các tỉnh miền núi, khó khăn về kinh tế, tiếng Anh kém hầu như chỉ ở trình độ cơ bản, sinh viên đăng ký vào học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp chủ yếu là con em các dân tộc nên đều có tâm lý sợ không theo học được chương trình đào tạo bằng tiếng Anh.

Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

4.29.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nâng cao trình độ giảng dạy của cán bộ giảng viên trẻ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

PHẦN 5

BÁO CÁO TỪNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẠC CAO HỌC

5.1 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật Cơ khí

5.1.1 Mô tả thực trạng

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí (trước đây là ngành

Công nghệ chế tạo máy) từ năm 1997. Cho đến nay, Nhà trường đã và đang đào tạo được 20 khóa với tổng số 338 học viên.

5.1.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh*

Đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy của chuyên ngành đông về mặt số lượng, gồm các PGS, TS có trình độ chuyên môn cao.

Chương trình đào tạo thường xuyên được cập nhật để tiếp cận nhanh với khoa học và kỹ thuật tiên tiến.

Công tác quản lý đào tạo được phân cấp rõ ràng cụ thể giữa các phòng và khoa chuyên môn đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch đào tạo các khóa.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo sau đại học tốt như, thư viện có phòng đọc riêng cho sau đại học được trang bị hiện đại, máy tính nối mạng Internet, có đầy đủ giáo trình chuẩn, sổ tay và sách tham khảo, luận văn cao học, các công trình nghiên cứu khoa học, báo và tạp chí chuyên ngành phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của học viên. Ngoài ra, trung tâm thí nghiệm được trang bị thiết bị hiện đại để các học viên có thể thực hiện được các nghiên cứu thực nghiệm, chế thử, sản xuất các sản phẩm phục vụ thực tiễn.

** Những điểm tồn tại*

Số lượng tuyển sinh được rất ít.

5.1.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Triển khai tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ 1,5 năm trên cơ sở điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp.

Giao hướng đề tài nghiên cứu luận văn tốt nghiệp sớm cho các học viên.

Thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp theo hướng giải quyết cụ thể các vấn đề trong thực tiễn sản xuất và nghiên cứu khoa học.

5.2 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

5.2.1 Mô tả thực trạng

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (trước đây là ngành Tự động hóa) từ năm 1997. Cho đến nay, Nhà trường đã và đang đào tạo được 20 khóa với tổng số 498 học viên.

5.2.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh*

Đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy của chuyên ngành đông về mặt số lượng, gồm các PGS, TS có trình độ chuyên môn cao.

Chương trình đào tạo được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp và bắt kịp với sự phát triển của thực tế chuyên ngành hiện nay.

Công tác quản lý đào tạo được phân cấp rõ ràng cụ thể giữa các phòng và khoa chuyên môn đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch đào tạo các khóa.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo sau đại học tốt như, thư viện có phòng đọc riêng cho sau đại học được trang bị hiện đại, máy tính nối mạng Internet, có đầy đủ giáo trình chuẩn, sổ tay và sách tham khảo, luận văn cao học, các công trình nghiên cứu khoa học, báo và tạp chí chuyên ngành phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của học viên. Ngoài ra, trung tâm thí nghiệm được trang bị thiết bị hiện đại để các học viên có thể thực hiện được các nghiên cứu thực nghiệm, chế thử, sản xuất các sản phẩm phục vụ thực tiễn.

** Những điểm tồn tại*

Số lượng tuyển sinh so với các chuyên ngành khác trong trường là khá tốt tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng tiềm lực của đội ngũ giảng dạy của chuyên ngành.

5.2.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Triển khai tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ 1,5 năm trên cơ sở điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp.

Giao hướng đề tài nghiên cứu luận văn tốt nghiệp sớm cho các học viên.

Thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp theo hướng giải quyết cụ thể các vấn đề trong thực tiễn sản xuất và nghiên cứu khoa học.

5.3 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện

5.3.1 Mô tả thực trạng

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật điện (trước đây là ngành Thiết bị, mạng và Nhà máy điện) từ năm 2004. Cho đến nay, Nhà trường đã và đang đào tạo được 12 khóa với tổng số 127 học viên.

5.3.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh*

Đội ngũ giảng dạy cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực của chuyên ngành.

Công tác quản lý đào tạo được phân cấp rõ ràng cụ thể giữa các phòng và khoa chuyên môn đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch đào tạo các khóa.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo sau đại học tốt như, thư viện có phòng đọc riêng cho sau đại học được trang bị hiện đại, máy tính nối mạng Internet, có đầy đủ giáo trình chuẩn, sổ tay và sách tham khảo, luận văn cao học, các công trình nghiên cứu khoa học, báo và tạp chí chuyên ngành phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của học viên. Ngoài ra, trung tâm thí nghiệm được trang bị thiết bị hiện đại để các học viên có thể thực hiện được các nghiên cứu thực nghiệm, chế thử, sản xuất các sản phẩm phục vụ thực tiễn.

** Những điểm tồn tại*

Số lượng tuyển sinh còn hạn chế do nhiều nguyên nhân khách quan.

5.3.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Triển khai tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ 1,5 năm trên cơ sở điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp

Giao hướng đề tài nghiên cứu luận văn tốt nghiệp sớm cho các học viên.

Thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp theo hướng giải quyết cụ thể các vấn đề trong thực tiễn sản xuất và nghiên cứu khoa học.

5.4 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử

5.4.1 Mô tả thực trạng

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật điện tử từ năm 2008. Cho đến nay, Nhà trường đã và đang đào tạo được 8 khóa với tổng số 84 học viên.

5.4.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh*

Đội ngũ giảng cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực của chuyên ngành.

Công tác quản lý đào tạo được phân cấp rõ ràng cụ thể giữa các phòng và khoa chuyên môn đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch đào tạo các khóa.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo sau đại học tốt như, thư viện có phòng đọc riêng cho sau đại học được trang bị hiện đại, máy tính nối mạng Internet, có đầy đủ giáo trình chuẩn, sổ tay và sách tham khảo, luận văn cao học, các công trình nghiên cứu khoa học, báo và tạp chí chuyên ngành phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của học viên. Ngoài ra, trung tâm thí nghiệm được trang bị thiết bị hiện đại để các học viên có thể thực hiện được các nghiên cứu thực nghiệm, chế thử, sản xuất các sản phẩm phục vụ thực tiễn.

** Những điểm tồn tại*

Số lượng tuyển sinh còn hạn chế do nhiều nguyên nhân khách quan.

5.4.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Triển khai tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ 1,5 năm trên cơ sở điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp.

Giao hướng đề tài nghiên cứu luận văn tốt nghiệp sớm cho các học viên.

Thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp theo hướng giải quyết cụ thể các vấn đề trong thực tiễn sản xuất và nghiên cứu khoa học.

5.5 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Cơ kỹ thuật

5.5.1 Mô tả thực trạng

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Cơ kỹ thuật từ năm 2006. Cho đến nay, Nhà trường đã đào tạo được tổng số 17 học viên.

5.5.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh*

Đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy của chuyên ngành đông về mặt số lượng, gồm các PGS, TS có trình độ chuyên môn cao.

Công tác quản lý đào tạo được phân cấp rõ ràng cụ thể giữa các phòng và khoa chuyên môn đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch đào tạo các khóa.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo sau đại học tốt như, thư viện có phòng đọc riêng cho sau đại học được trang bị hiện đại, máy tính nối mạng Internet, có đầy đủ giáo trình chuẩn, sổ tay và sách tham khảo, luận văn cao học, các công trình nghiên cứu khoa học, báo và tạp chí chuyên ngành phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của học viên. Ngoài ra, trung tâm thí nghiệm được trang bị thiết bị hiện đại để các học viên có thể thực hiện được các nghiên cứu thực nghiệm, chế thử các sản phẩm có thể phục vụ thực tiễn.

** Những điểm tồn tại*

Trong năm 2016 – 2017 không tuyển sinh được do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan.

5.5.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Triển khai tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ năm trên cơ sở điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp.

Giao hướng đề tài nghiên cứu luận văn tốt nghiệp sớm cho các học viên.

Thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp theo hướng giải quyết cụ thể các vấn đề trong thực tiễn sản xuất và nghiên cứu khoa học.

5.6 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí động lực

5.6.1 Mô tả thực trạng

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí động lực từ năm 2015, Nhà trường đã và đang đào tạo được 2 khóa với tổng số là 19 học viên.

5.6.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh*

Đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực của chuyên ngành.

Công tác quản lý đào tạo được phân cấp rõ ràng cụ thể giữa các phòng và khoa chuyên môn đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch đào tạo các khóa.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo sau đại học tốt như, thư viện có phòng đọc riêng cho sau đại học được trang bị hiện đại, máy tính nối mạng Internet, có đầy đủ giáo trình chuẩn, sổ tay và sách tham khảo, luận văn cao học, các công trình nghiên cứu khoa học, báo và tạp chí chuyên ngành phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của học viên. Ngoài ra, trung tâm thí nghiệm được trang bị thiết bị hiện đại để các học viên

có thể thực hiện được các nghiên cứu thực nghiệm, chế thử các sản phẩm có thể phục vụ thực tiễn.

** Những điểm tồn tại*

Số lượng tuyển sinh còn rất hạn chế do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan.

5.6.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Triển khai tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ 1,5 năm trên cơ sở điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp.

Giao hướng đề tài nghiên cứu luận văn tốt nghiệp sớm cho các học viên.

Thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp theo hướng giải quyết cụ thể các vấn đề trong thực tiễn sản xuất và nghiên cứu khoa học.

5.7 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật viễn thông

5.4.1 Mô tả thực trạng

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông từ cuối năm 2016. Tính đến thời điểm hiện tại đã tuyển sinh được 10 học viên.

5.7.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

** Những điểm mạnh*

Đội ngũ giảng cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực của chuyên ngành.

Công tác quản lý đào tạo được phân cấp rõ ràng cụ thể giữa các phòng và khoa chuyên môn đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch đào tạo các khóa.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo sau đại học tốt như, thư viện có phòng đọc riêng cho sau đại học được trang bị hiện đại, máy tính nối mạng Internet, có đầy đủ giáo trình chuẩn, sổ tay và sách tham khảo, luận văn cao học, các công trình nghiên cứu khoa học, báo và tạp chí chuyên ngành phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của học viên. Ngoài ra, trung tâm thí nghiệm được trang bị thiết bị hiện đại để các học viên có thể thực hiện được các nghiên cứu thực nghiệm, chế thử, sản xuất các sản phẩm phục vụ thực tiễn.

** Những điểm tồn tại*

Do chuyên ngành tuyển sinh khóa đầu tiên nên số lượng đăng ký tuyển sinh còn hạn chế.

5.7.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Triển khai tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ 1,5 năm đã được Bộ Giáo dục và Đại học Thái nguyên phê duyệt trên cơ sở điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp.

Giao hướng đề tài nghiên cứu luận văn tốt nghiệp sớm cho các học viên.

Thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp theo hướng giải quyết cụ thể các vấn đề trong thực tiễn sản xuất và nghiên cứu khoa học.

PHẦN 6

BÁO CÁO TỪNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẠC TIẾN SĨ

6.1 Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Kỹ thuật Cơ khí

6.1.1 Mô tả thực trạng

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí (là sự kết hợp lại của chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy và chuyên ngành Kỹ thuật máy công cụ) từ năm 2006. Cho đến nay, Nhà trường đã và đang đào tạo được 10 khóa. Trong đó, có 10 nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp, 11 nghiên cứu sinh nghiên cứu sinh đang theo học (các nghiên cứu sinh đã có quyết định cho chuyển từ đề án 911 sang diện đại trà), 05 nghiên cứu sinh xin thôi học.

6.1.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

Đội ngũ giảng viên bao gồm các PGS, TS có trình độ chuyên môn cao, chủ động thực hiện kế hoạch đào tạo trong việc giảng dạy các học phần tiến sĩ, hướng dẫn NCS thực hiện các chuyên đề tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

Công tác quản lý đào tạo được phân cấp rõ ràng cụ thể giữa các phòng và khoa chuyên môn, đảm bảo cho các NCS thực hiện tiến độ học tập và nghiên cứu.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo sau đại học tốt như, thư viện có phòng đọc riêng cho sau đại học được trang bị hiện đại, máy tính nối mạng Internet, có đầy đủ giáo trình chuẩn, sổ tay và sách tham khảo, luận văn cao học, luận án tiến sĩ, các công trình nghiên cứu khoa học, báo và tạp chí chuyên ngành phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của NCS. Ngoài ra, trung tâm thí nghiệm được trang bị các thiết bị hiện đại đảm bảo cho NCS có thể thực hiện được các nghiên cứu thực nghiệm, chế thử các sản phẩm phục vụ quá trình nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn.

6.1.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chương trình đào tạo bao gồm các học phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề, các hướng nghiên cứu thường xuyên được cập nhật để NCS tiếp cận nhanh và hiệu quả với khoa học và kỹ thuật tiên tiến ở trong nước và trên thế giới.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức các buổi Xemina tại các khoa chuyên môn để NCS báo cáo các kết quả nghiên cứu của mình trước hội đồng khoa học của khoa.

Xây dựng kế hoạch, hợp tác đào tạo quốc tế để cho NCS có thể được thực tập ngắn hạn ở các trường đại học tiên tiến ở nước ngoài

6.2 Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

6.2.1 Mô tả thực trạng

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa từ năm 2007. Cho đến nay, Nhà trường đã và đang đào tạo được 9 khóa. Trong đó, có 12

nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp, 19 nghiên cứu sinh nghiên cứu sinh đang theo học (các nghiên cứu sinh đã có quyết định cho chuyển từ đề án 911 sang diện đại trà), 02 nghiên cứu sinh xin thôi học.

6.2.2 Những điểm mạnh, những điểm tồn tại

Đội ngũ giảng viên bao gồm các PGS, TS có trình độ chuyên môn cao, chủ động thực hiện kế hoạch đào tạo trong việc giảng dạy các học phần tiến sĩ, hướng dẫn NCS thực hiện các chuyên đề tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

Công tác quản lý đào tạo được phân cấp rõ ràng cụ thể giữa các phòng và khoa chuyên môn, đảm bảo cho các NCS thực hiện tiến độ học tập và nghiên cứu.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo sau đại học tốt như, thư viện có phòng đọc riêng cho sau đại học được trang bị hiện đại, máy tính nối mạng Internet, có đầy đủ giáo trình chuẩn, sổ tay và sách tham khảo, luận văn cao học, luận án tiến sĩ, các công trình nghiên cứu khoa học, báo và tạp chí chuyên ngành phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của NCS. Ngoài ra, trung tâm thí nghiệm được trang bị các thiết bị hiện đại đảm bảo cho NCS có thể thực hiện được các nghiên cứu thực nghiệm, chế thử các sản phẩm phục vụ quá trình nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn.

6.2.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chương trình đào tạo bao gồm các học phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề, các hướng nghiên cứu thường xuyên được cập nhật để NCS tiếp cận nhanh và hiệu quả với khoa học và kỹ thuật tiên tiến ở trong nước và trên thế giới.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức các buổi Xemina tại các khoa chuyên môn để NCS báo cáo các kết quả nghiên cứu của mình trước hội đồng khoa học của khoa.

Xây dựng kế hoạch, hợp tác đào tạo quốc tế để cho NCS có thể được thực tập ngắn hạn ở các trường đại học tiên tiến ở nước ngoài.

PHẦN 7: PHỤ LỤC (Có các bảng biểu đính kèm)

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Ban KT&ĐBCLGD-ĐHTN;
- BGH (để báo cáo);
- Website Trường;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Trần Minh Đức